

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2021

Mẫu số: C53-HD

(Ban hành theo thông tư số 107/2017/TT-BT ngày
10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: Ngày Tháng Năm

Số BB: 11/17

Ban kiểm kê gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Cúc	Chức vụ: Chủ tịch HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Ban giám hiệu
- Ông: Trần Đình Luân	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Quản trị và Đầu tư
- Ông: Hoàng Việt Dũng	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông: Trần Đình Diệu	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Phòng TN: Đất & Phân Bón 105 (01411), kết quả như sau:

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
1	Máy lắc cách thủy/Robo nhiệt - Model: 1083	01402.00.030000.058	396	1/1/2006		1	✓	
2	Lò nung - giá đỡ cốc nung- Model: 33855-15	01402.00.030000.074	402	1/1/2006		1	✓	
3	Máy đo màu digital - Model: 83055-20	01402.00.030000.084	403	1/1/2006		1	✓	
4	Máy đo màu digital - Model: 83055-20	01402.00.030000.085	404	1/1/2006		1	✓	
5	Máy đo pH của đất - Model: DIK-3521	01402.00.030000.094	405	1/1/2006		1	✓	
6	Máy đo pH của đất - Model: DIK-3521	01402.00.030000.095	406	1/1/2006		1	✓	
7	Máy đo PH/ mV, nhiệt độ điện tử để bàn	01402.00.030000.102	407	1/1/2006		1	✓	
8	Máy rửa dụng cụ thủy tinh tự động	01402.00.030000.114	409	1/1/2006		1	✓	
9	Bơm chân không - Model: JPV	01402.00.030000.142	425	1/1/2006		1	✓	
10	Máy li tâm - Model: EBA 20	01402.00.030000.158	429	1/1/2006		1	✓	
11	Máy li tâm có gia nhiệt và 5 bộ ống	01402.00.030000.160	431	1/1/2006		1	✓	

12	Máy li tâm lạnh tốc độ cao	01402.00.030000.162	433	1/1/2006		1	✓	
13	Nồi cách thủy ổn nhiệt	01402.00.030000.174	445	1/1/2006		1	✓	
14	Nồi cách thủy ổn nhiệt	01402.00.030000.176	447	1/1/2006		1	✓	
15	Kính hiển vi 3 mắt	01402.00.030000.215	464	1/1/2006		1	✓	
16	Kính hiển vi 3 mắt	01402.00.030000.216	465	1/1/2006		1	✓	
17	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.221	470	1/1/2006		1	✓	
18	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.222	471	1/1/2006		1	✓	
19	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.223	472	1/1/2006		1	✓	
20	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.224	473	1/1/2006		1	✓	
21	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.225	474	1/1/2006		1	✓	
22	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.226	475	1/1/2006		1	✓	
23	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.227	476	1/1/2006		1	✓	
24	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.228	477	1/1/2006		1	✓	
25	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.229	478	1/1/2006		1	✓	
26	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.230	479	1/1/2006		1	✓	
27	Kính hiển vi video	01402.00.030000.314	530	1/1/2006		1	✓	
28	Kính hiển vi soi ngược	01402.00.030000.315	531	1/1/2006		1	✓	
29	Kính hiển vi chụp ảnh	01402.00.030000.317	533	1/1/2006		1	✓	
30	Bếp đun dạng block	01402.00.030000.338	538	1/1/2006		1	✓	
31	Tủ sấy Memmert - Model: UNB400	01402.00.030000.359	548	1/1/2006		1	✓	
32	Bản phim màu về đất - Model: 77360	01402.00.110000.008	8109	1/1/2006		2	2	
33	Dụng cụ đo độ thấm - Model: 99039-00	01402.00.110000.009	8110	1/1/2006		2	2	
34	Máy khuấy từ có gia nhiệt - Model: ARE	01402.00.110000.011	8112	1/1/2006		2	2	
35	Máy khuấy trộn - Model: ZX3	01402.00.110000.014	8115	1/1/2006		2	2	
36	Bếp đun có áo - Model: 36233-45	01402.00.110000.027	8118	1/1/2006		2	2	
37	Bộ phận hấp thụ nước - Model: 78-400	01402.00.110000.222	8130	19/11/2015		1	✓	
38	Bộ dây - Model: 59980-	01402.00.110000.228	8134	19/11/2015		1	✓	
39	Bộ dây - Model: 59980-	01402.00.110000.229	8135	19/11/2015		1	✓	
40	Bộ dây - Model: 59980-	01402.00.110000.230	8136	19/11/2015		1	✓	
41	Bộ dây - Model: 59980-	01402.00.110000.231	8137	19/11/2015		1	✓	
42	Bộ dây - Model: 59980-	01402.00.110000.232	8138	19/11/2015		1	✓	

43	Tủ lạnh thường	01402.00.110000.256	8154	19/11/2015		1	1	
44	Bàn giáo viên phòng thí nghiệm	01411.00.120000.001	10339	1/1/2006		3	3	
45	Bàn thí nghiệm hoá sinh 1	01411.00.120000.002	10340	1/1/2006		7	7	
46	Bàn giáo viên	01411.00.120000.004	10341	1/1/2000		1	1	
47	Bảng xếp 2,4m x1,2m	01411.00.120000.005	10342	1/1/2010		1	1	
48	Bảng phóc mê ca	01411.00.120000.006	10343	1/1/2004		1	1	
49	Ghế thí nghiệm sinh viên	01411.00.120000.009	10344	1/1/2006		39	39	
50	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	01411.00.120000.010	10345	1/1/2006		2	2	
51	Giá để hóa chất	01411.00.120000.011	10346	1/1/2002		2	2	
52	Máy trộn - Model: ZX3	01402.00.110000.010	249	1/1/2006		1	1	

Nghệ An, ngày Tháng4 năm 2022

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

PHÒNG KH-TC

PHÒNG QT&ĐT

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BỘ PHẬN KIỂM KÊ


Trần Đình Luân


Trần Anh Tuấn


Trần Anh Tuấn

